

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 117/2020/KDTM-PT

Ngày: 11 /6 /2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh
và hợp đồng nhận nợ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Bà Ngô Tuyết Băng**

Các Thẩm phán : **Bà Lê Thúy Linh**

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

- Thư ký phiên toà: Ông : Lê Hồng Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Lùng– Kiểm sát viên.

Trong các ngày 7,11 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 302/2020/TLPT- KDTM ngày 17 tháng 11 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh và hợp đồng nhận nợ”.

Do bản án sơ thẩm số 03/2021/KDTM-ST ngày: 20/01/2021 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 330/2021/QĐ-PT ngày 31/5/2021 giữa các đương sự:

Nyên đơn: Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Trụ sở: Số 25A Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Đào Quang Trường – Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khắc Tuấn – Phó Giám đốc Sở Giao dịch I – Ngân hàng Phát triển Việt Nam, bà Nguyễn Thị Hương – Trưởng phòng

Bảo lãnh Sở Giao dịch I – Ngân hàng Phát triển Việt Nam (Giấy ủy quyền số 14,15/GUQ-NHPT.SGDI ngày 20/2/2020). (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Gấm – Luật sư Văn phòng luật sư Minh Trung (Đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự số 33/2020/ĐK-TA ngày 10.11.2020. (có mặt).

Bị đơn: Công ty cổ phần Cửu Long

Trụ sở: Số 7 phố Vũ Hữu Lợi, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Anh Tuấn – Giám đốc

Hộ khẩu thường trú: Số 7 phố Vũ Hữu Lợi, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai Tại Tòa án đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng phát triển Việt Nam (Viết tắt BIDV) trình bày:

Ngày 29/12/2009, Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch I và Công ty cổ phần Cửu Long ký kết Hợp đồng bảo lãnh số 50/2009/NHPT.SGDI-BLDA và Hợp đồng nhận nợ nguyên tắc số 50/2009/NHPT.SGDI-HĐNT-NNBL. Hợp đồng bảo lãnh này là để bảo lãnh cho Hợp đồng tín dụng số 01-09/HĐTD/HM-CL ngày 20/10/2009 giữa Công ty Cửu Long và Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai, số tiền bảo lãnh trong hợp đồng tín dụng là 93.800.000.000 đồng, thời hạn bảo lãnh: kể từ ngày bên bảo lãnh phát hành Chứng thư bảo lãnh cho đến ngày Chứng thư bảo lãnh hết hiệu lực (khoản 2 Điều 2 HĐBL), phí bảo lãnh được quy định cụ thể tại Điều 3 HĐBL, tài sản bảo đảm cho bảo lãnh được quy định tại Điều 4 HĐBL.

Thực hiện bảo lãnh, ngày 21/1/2010 Ngân hàng Phát triển Việt Nam đã phát hành Chứng thư bảo lãnh số 03/NHPT.SGDI-CTBL cho Công ty cổ phần Cửu Long vay vốn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai để thực hiện dự án “Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu” (dự án).

Do Công ty Cửu Long vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong Hợp đồng tín dụng số 01-09 nên Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đã khởi kiện, Sở Giao dịch I đã tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tại Bản án kinh doanh thương mại số 165/2018/KDTM-PT ngày 27/11/2018 TAND Thành phố Hà Nội đã buộc Công ty Cửu Long phải trả nợ Ngân hàng TMCP Công

thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng trên số tiền là 89.543.512.762 đồng nợ gốc và nợ lãi là 54.784.714.301 đồng, tổng cộng 144.328.227.063 đồng. Cơ quan Thi hành án quận Hai Bà Trưng đã ra Quyết định số 321/QĐ-CCTHADS ngày 21/01/2019 và Thông báo số 77/TB-THADS ngày 07/11/2019 thi hành án thu số tiền 156.332.032.412 đồng của Ngân hàng phát triển Việt Nam (từ Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau và Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng – Thành phố Hà Nội) để trả cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Thực hiện theo Quyết định số 14 của Thủ tướng Chính phủ ngày 21/01/2009 và số 60 ngày 17/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ và theo Điều 2 Hợp đồng nhận nợ nguyên tắc số 50 ngày 29/12/2009 đã ký giữa hai bên. Ngày 30/10/2019 Công ty Cửu Long và Ngân hàng Phát triển Việt Nam đã ký Hợp đồng nhận nợ chi tiết số 01/2019/NHPT-NNCT và ngày 13/11/2019 ký Hợp đồng chi tiết nhận nợ số 02/2019/NHPT-NNCT với tổng số tiền nhận nợ của hai hợp đồng là 156.332.032.412 đồng, cụ thể như sau:

+ Theo Hợp đồng số 01 là: 142.898.463.705 đồng và lãi tính đến ngày 20/10/2020 là: 23.384.452.706 đồng. Tổng cộng: 166.282.916.411 đồng.

+ Theo Hợp đồng số 02 là: 13.433.568.707 đồng, nợ lãi tính đến ngày 20/10/2020 là: 2.119.381.455 đồng. Tổng cộng: 15.552.950.162 đồng.

Cách tính: Nợ lãi bằng nợ gốc x 16,5%/năm (bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn cùng kỳ hạn vay vốn của khoản vay được bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai niêm yết công khai tại thời điểm Bên A trả nợ thay là 11%, theo thỏa thuận tại điều 1 “Số tiền phải trả và đồng tiền trả nợ” tại Hợp đồng nhận nợ chi tiết số 01/2019/NHPT-NNCT ngày 30/10/2019 và Hợp đồng nhận nợ chi tiết số 02/2019/NHPT-NNCT ngày 13/11/2019). Thời điểm tính lãi: từ ngày 24/9/2019 (thời điểm Sở Giao dịch I trả nợ thay cho Công ty Cửu Long) đến ngày Công ty cổ phần Cửu Long trả nợ hết nợ gốc cho Sở Giao dịch I – Ngân hàng đầu tư Việt Nam.

2. Phí bảo lãnh:

Theo Điều 3 Hợp đồng bảo lãnh số 50/2009/NHPT.SGDI-BLDA ngày 29/12/2009 ký giữa SGDI và Công ty Cửu Long, phí bảo lãnh Công ty Cửu Long phải trả tính từ ngày 08/2/2010 (là ngày Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam giải ngân khoản vay đầu tiên cho Công ty Cửu Long) đến ngày hết hiệu lực của Chứng thư bảo lãnh là ngày 23/10/2019 (ngày Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng yêu cầu Ngân hàng Phát triển Việt Nam trả nợ thay cho Công ty Cửu Long theo bảng tính lãi của Ngân hàng Công thương Việt Nam) thì:

+ Tổng phí bảo lãnh phát sinh của Công ty Cửu Long là: 5.807.327.763 đồng, trong đó, phí bảo lãnh phát sinh là 5.386.605.145 đồng, tiền phạt chậm trả phí bảo lãnh là 420.722.618 đồng.

+ Công ty Cửu Long đã trả phí bảo lãnh là 2.761.104.500 đồng, trong đó phí bảo lãnh là 2.642.433.990 đồng, tiền phạt chậm trả phí bảo lãnh là 118.670.510 đồng.

+ Công ty Cửu Long còn phải trả phí bảo lãnh là 3.046.223.263 đồng, trong đó phí bảo lãnh là 2.744.171.155 đồng, tiền phạt chậm trả phí bảo lãnh là 302.052.108 đồng.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ được bảo lãnh, Công ty Cửu Long đã thế chấp toàn bộ tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 35/2009/BĐBL-NHDT-SGDI ngày 29/12/2019, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp và các Phụ lục Hợp đồng sửa đổi kèm theo là toàn bộ tài sản được hình thành từ vốn vay dự án Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu của Công ty Cửu Long được Sở Giao dịch I bảo lãnh vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 01-09/HĐTD/HM-CL ngày 20/10/2009, bao gồm toàn bộ: Tài sản đã hình thành từ vốn vay gắn liền với thửa đất số 1189, tờ bản đồ số 05 tại xã Tân Hưng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, diện tích 40.000m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 459109 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CT00094 do UBND tỉnh Hải Dương cấp ngày 14/6/2013 và dây chuyền thiết bị sản xuất chế biến gỗ xuất khẩu, có danh mục kèm theo Hợp đồng thế chấp và các phụ lục Hợp đồng.

Kể từ khi Sở Giao dịch I thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (trả nợ thay cho Công ty Cửu Long), Sở Giao dịch I đã thường xuyên đôn đốc, yêu cầu Công ty Cửu Long trả nợ nhiều lần bằng nhiều hình thức nhưng Công ty Cửu Long không có phương án trả nợ, Công ty Cửu Long đã vi phạm Hợp đồng nhận nợ chi tiết số 01/2019/NHPT-NNCT ngày 30/10/2019, số 02/2019/NHPT-NNCT ngày 13/11/2019

Do vậy, Sở Giao dịch I đã gửi Thông báo số 1514/NHPT.SGDI-BL ngày 26/11/2019 và làm việc đề nghị Công ty Cửu Long phối hợp xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ vay nhưng Công ty Cửu Long không phối hợp xử lý tài sản đảm bảo (Công ty Cửu Long đã ghi nhận ý kiến tại Biên bản làm việc ngày 04/12/2019 với Sở Giao dịch I).

Nay Ngân hàng phát triển Việt Nam đề nghị Tòa án giải quyết: buộc Công ty Cửu Long phải trả cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam toàn bộ khoản nợ cụ thể:

+ Số tiền nhận nợ vay bắt buộc theo 02 Hợp đồng nhận nợ tạm tính đến ngày 20/5/2020 là: 171.023.257.921 đồng, trong đó: nợ gốc quá hạn: 156.332.032.412 đồng; nợ lãi chưa trả: 14.691.225.509 đồng và số lãi phát sinh kể từ ngày 21/06/2020 đến khi Công ty Cửu Long trả hết khoản nhận nợ vay bắt buộc cho Sở Giao dịch I.

+ Phí bảo lãnh còn phải trả: 3.046.223.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty Cửu Long không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nhận nợ vay bắt buộc bao gồm nợ gốc; nợ lãi phát sinh và phí bảo lãnh theo quy định thì Ngân hàng phát triển Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 35/2009/BĐBL-NHPT.SGDI ngày 29/12/2009 ký giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I và Công ty cổ phần Cửu Long để thu hồi vốn cho Nhà nước. Tại khoản 1 điều 8 Hợp đồng thế chấp tài sản số 352009/BĐBL-NHDT-SGDI quy định: “về xử lý tài sản thế chấp, Công ty Cửu Long không thực hiện, thực hiện không đúng nghĩa vụ hoàn trả số tiền nhận nợ vay bắt buộc và phí bảo lãnh thì Sở Giao dịch I được xử lý tài sản bảo đảm và áp dụng các biện pháp phù hợp quy định của pháp luật để thu nợ”.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm, sau khi trừ đi các chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản đảm bảo, được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty Cửu Long cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty Cửu Long phải tiếp tục nhận nợ và có nghĩa vụ thanh toán hết khoản nhận nợ vay bắt buộc và phí bảo lãnh còn lại cho Ngân hàng phát triển.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – Công ty Cửu Long do ông Phạm Anh Tuấn là đại diện trình bày:

Việc ký kết Hợp đồng nhận nợ, Hợp đồng thế chấp và Hợp đồng bảo lãnh với Ngân hàng Phát triển Việt Nam như Ngân hàng Phát triển Việt Nam trình bày là đúng. Công ty Cửu Long xác định có nghĩa vụ, trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Về số liệu tại “Bảng tính lãi đối với các khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 01/09/HĐTD/HM-CL ký ngày 20/10/2009 đến hết ngày 22/10/2019” của Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai mà Ngân hàng Phát triển Việt Nam nộp cho Tòa án, Công ty Cửu Long nhất trí, không có ý kiến gì.

Đối với số tiền nhận nợ theo như Ngân hàng trình bày thì Công ty Cửu Long không nhất trí vì số tiền đó không phù hợp với Hợp đồng bảo lãnh, cụ thể: Khi

Ngân hàng Công thương Việt Nam có thông báo cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh nhưng Ngân hàng Phát triển đã không thực hiện dẫn đến lãi quá hạn phát sinh. Ngân hàng phát triển đã không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của mình theo đúng như thỏa thuận mà phải thông qua cưỡng chế của cơ quan Thi hành án dẫn đến thiệt hại cho Công ty Cửu Long, thiệt hại này thể hiện ở việc Công ty Cửu Long không tiếp cận được các nguồn vốn vay lưu động khác để thực hiện sản xuất, kinh doanh. Việc cơ quan Thi hành án cưỡng chế Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Công ty Cửu Long không được thông báo dẫn đến số liệu ký nhận nợ bắt buộc không được chính xác. Công ty Cửu Long không đồng ý về số tiền theo hai Hợp đồng nhận nợ số 01 và 02 mà Ngân hàng Phát triển Việt Nam khởi kiện, đề nghị Tòa án làm rõ căn cứ của số tiền đó. Ngân hàng Phát triển Việt Nam chậm trễ thực hiện nghĩa vụ dẫn đến lãi quá hạn và buộc Công ty Cửu Long phải nhận nợ bắt buộc là không đúng quy định pháp luật.

Ngân hàng Phát triển VN đã thực hiện bảo lãnh theo Bản án số 165 của TAND Thành phố Hà Nội trong đó có số tiền nợ gốc và nợ lãi, tổng cộng là 156.332.032.412 đồng. Nay Ngân hàng Phát triển Việt Nam chuyển toàn bộ số tiền 156.332.032.412 đồng thành nợ gốc và yêu cầu Công ty Cửu Long thanh toán cả gốc và lãi của số tiền 156.332.032.412 đồng là không phù hợp (tức là lãi chồng lãi), không đúng theo nội dung của Hợp đồng bảo lãnh đã ký giữa hai bên.

Về phí bảo lãnh, Công ty Cửu Long không đồng ý vì Ngân hàng Phát triển Việt Nam không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng bảo lãnh nên không có quyền thu phí bảo lãnh. Theo điểm b khoản 2 Điều 6 Hợp đồng bảo lãnh, Ngân hàng Phát triển Việt Nam có nghĩa vụ thực hiện việc bảo lãnh khi Ngân hàng Công thương Việt Nam có thông báo yêu cầu Ngân hàng Phát triển Việt Nam trả nợ thay cho Công ty Cửu Long nhưng Ngân hàng Phát triển Việt Nam đã có công văn từ chối thực hiện nghĩa vụ. Vì vậy, Công ty Cửu Long không có nghĩa vụ phải trả phí bảo lãnh cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Đề nghị Tòa án yêu cầu Ngân hàng Phát triển Việt Nam cung cấp tài liệu là thông báo của Ngân hàng Công thương Việt Nam yêu cầu Ngân hàng Phát triển Việt Nam trả nợ thay cho Công ty Cửu Long nhưng Ngân hàng Phát triển Việt Nam đã có công văn từ chối thực hiện nghĩa vụ. Do Ngân hàng Phát triển Việt Nam vi phạm nghĩa vụ bảo lãnh trước nên Công ty Cửu Long không có nghĩa vụ thanh toán phí bảo lãnh cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Công ty Cửu Long đề nghị Ngân hàng Phát triển Việt Nam tạo điều kiện để hai bên thương lượng, hòa giải, đề nghị Ngân hàng Phát triển Việt Nam chấp thuận

phương án trả nợ mà Công ty Cửu Long đã đề xuất và gửi cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Tại bản án kinh doanh thương mại số 03/2021/KDTM-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Phát triển Việt Nam đối với Công ty cổ phần Cửu Long.

2. Buộc Công ty cổ phần Cửu Long phải trả cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam số tiền nợ tính đến ngày 19/01/2021 theo Hai hợp đồng nhận nợ chi tiết, cụ thể:

+ Hợp đồng nhận nợ chi tiết số 01/2019/NHPT-NNCT ngày 30/10/2019:

Nợ gốc là: 142.898.463.705 đồng (Một trăm bốn mươi hai tỷ, tám trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi ba nghìn, bảy trăm linh năm đồng).

Nợ lãi tạm tính đến hết ngày 19/01/2021 là: 29.262.864.850 đồng (Hai mươi chín tỷ, hai trăm sáu mươi hai triệu, tám trăm sáu mươi bốn nghìn, tám trăm năm mươi đồng).

Tổng cộng: 172.161.328.555 đồng (Một trăm bảy mươi hai tỷ, một trăm sáu mươi một triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm năm mươi lăm đồng).

+ Hợp đồng nhận nợ chi tiết số 02/2019/NHPT-NNCT ngày 13/11/2019:

Nợ gốc là: 13.433.568.707 đồng (Mười ba tỷ, bốn trăm ba mươi ba triệu, năm trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm linh bảy đồng);

Nợ lãi tạm tính đến hết ngày 19/01/2021 là: 2.671.997.987 đồng (Hai tỷ, sáu trăm bảy mươi một triệu, chín trăm chín mươi bảy nghìn, chín trăm tám bảy đồng).

Tổng cộng: 16.105.566.694 đồng (Mười sáu tỷ, một trăm linh năm triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm chín mươi bốn đồng).

Kể từ ngày 20/01/2021, Công ty Cửu Long còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng nhận nợ chi tiết đã ký kết giữa các bên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

3. Buộc Công ty cổ phần Cửu Long phải trả cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam số tiền phí bảo lãnh theo Hợp đồng bảo lãnh số 50/2009/NHPT.SGDI-BLDA ngày 29/12/2009 giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch I và Công ty cổ phần Cửu Long tính từ ngày 08/02/2010 đến ngày 23/10/2019 là 2.744.171.155 đồng (Hai tỷ, bảy trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm bảy mươi một nghìn, một trăm năm mươi lăm đồng) và tiền phạt chậm trả phí bảo lãnh là 302.052.108 (Ba trăm linh hai triệu, không trăm năm mươi hai nghìn, một trăm linh tám đồng). Tổng

cộng 3.046.223.263 đồng (Ba tỷ, không trăm bốn mươi sáu triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn, hai trăm sáu ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, Công ty Cửu Long còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ phí bảo lãnh và phí phạt chậm trả phí bảo lãnh chưa thanh toán theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Tổng cộng toàn bộ số tiền nhận nợ và phí bảo lãnh (bao gồm cả nợ gốc và lãi) Công ty cổ phần Cửu Long có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam là: 191.313.118.512 đồng (Một trăm chín mươi một tỷ, ba trăm mười ba triệu, một trăm mười tám nghìn, năm trăm mười hai đồng).

4. Về xử lý tài sản bảo đảm: Chấp nhận yêu cầu Ngân hàng Phát triển Việt Nam về việc đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm khi Công ty cổ phần Cửu Long vi phạm nghĩa vụ trả nợ, theo Hợp đồng thế chấp tài sản (bằng tài sản hình thành trong tương lai) số 35/2009/BĐBL-NHPT.SGDI ngày 29/12/2009; Phụ lục số 01A kèm Hợp đồng thế chấp tài sản (bằng tài sản hình thành trong tương lai) số 35/2009/BĐBL-NHPT.SGDI ngày 29/12/2009 (Phần xây lắp) ngày 18/12/2012; Phụ lục số 01B kèm Hợp đồng thế chấp tài sản (bằng tài sản hình thành trong tương lai) số 35/2009/BĐBL-NHPT.SGDI ngày 29/12/2009 (Phần thiết bị) ngày 18/12/2012; Phụ lục số 02B kèm Hợp đồng thế chấp tài sản (bằng tài sản hình thành trong tương lai) số 35/2009/BĐBL-NHPT.SGDI ngày 29/12/2009 (Phần xây lắp) ngày 10/7/2013; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số công chứng 561, quyền số 21, lập ngày 29/12/2009 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Hải Dương số 02/2013/HĐBĐ.SĐ-NHPT.SGDI ngày 29/8/2013; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 10/35/2009/2015/BĐBL-SĐBS-NHPT.SGDI ngày 18/11/2015, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/HĐSĐBS/HĐTCTS-NHPT.SGDI ngày 23/1/2018; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 06/2020/HĐSĐBS-NHPT ngày 03/7/2020, giữa bên thế chấp – Công ty cổ phần Cửu Long, bên nhận thế chấp – Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch I, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương ngày 30/12/2009, ngày 29/8/2013; Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 10/7/2020 của Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hà Nội, tài sản bảo đảm cụ thể là:

+ Tài sản đã hình thành gắn liền với thửa đất số 1189, tờ bản đồ số 05, diện tích 40.000m², xã Tân Hưng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương đã được UBND tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 459109, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CT00094 ngày 14/6/2013 được đứng tên Công ty cổ phần Cửu Long gồm: Sân nền, đường giao thông, sân bãi, cổng, tường rào, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh công nhân, trạm bơm, bể nước, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy, nhà trạm bơm, nhà xưởng sản xuất gia công chế biến gỗ, nhà xưởng sơn và kho thành phẩm, trạm biến áp, hệ thống cấp điện chiếu sáng, nhà ăn ca, nhà điều hành, nhà nén khí, nhà hút bụi;

+ Hệ thống máy móc thiết bị gồm: 06 Máy CNC đa năng – Italy – pade, Model: SPINSL; Seri: 12291, 12292, 12293, 12294, 12295, 12296, hãng sản xuất: PADE; Xuất xứ: Italy; Hệ thống hút bụi nén khí, 01 hệ thống ống các loại hút bụi gỗ, xuất xứ: Việt Nam; 02 Máy nén khí, Model: SG1070A-55H; seri: C4KB3186, C4KB3187 Hãng sản xuất: Kobelco compressors, Nhật Bản; Hệ thống hút bụi trung tâm, 01 máy, Hãng sản xuất: Blue vent, Xuất xứ: Đan Mạch, 02 Máy sấy khí, máy lọc trước, lọc sau, Model: CRX110D, seri: C909002, C911002; Hãng sản xuất: ORION, Xuất xứ: Hồng Kong; 01 Máy lạnh ngang, Model: HP-400-3B, Seri: B10-010; Hãng sản xuất: Blue Steel, Xuất xứ: Đài Loan; Dây chuyền finger tự động, Model AT 620 đồng bộ dùng để ghép các thanh gỗ gắn vào thành các thanh gỗ dài, hãng sản xuất: Funimate, Xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy chà nhám có trục phay, Model: MST-1300MS; seri: MS1045; Hãng sản xuất: Ming Ping, xuất xứ: Đài Loan; 05 Máy cưa cắt ngang, Model: YFC-18; seri: 120620, 100513, 100515, 100516, 100517; Hãng sản xuất: Yuh Farn, xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy bào 04 mặt, 04 trục tải nặng, Model: LMC-423C; seri: 1004017; Hãng sản xuất: Leadermac, Xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy bào 04 mặt, 06 trục tải nặng model LMC 623C, Model: LMC- 623C, seri: 1004018; hãng sản xuất: Leadermac, xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy bào hai mặt có hiển thị số, Model: GT- 610AD; Hãng sản xuất: Goodtek, Xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy tạo mộng lá sách, Model: LH-110, hãng sản xuất: Lih Woei, xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy bào 04 mặt, 06 trục tải nặng model LMC 623H Hypermac, Model: LMC-623H; seri: 1004020; Hãng sản xuất: Leadermac, Xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy mài lưỡi cưa hợp kim tự động, Model: F-25-300 “D/MG”; seri: 9719; Hãng sản xuất: Grifo, Xuất xứ: Italy; 02 Máy cưa rong nhiều lưỡi, Model: GRS-320; seri: 0782, 0783; Hãng sản xuất: Carpenter, Xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy chà nhám chổi, Model: SL-1400-R4; seri: 2765; Hãng

sản xuất: Salida, Xuất xứ: Đài Loan, Máy cắt ốc, 01 máy, Model: CP-801; Hãng sản xuất: Foseco, Xuất xứ: Đài Loan, Máy chuốt chốt, 01 máy, Model: CF-18; seri: 30509; Hãng sản xuất: Ching Feng, xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy cắt chốt, Model: CF-36; seri 30510; hãng sản xuất: Ching Feng, xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy mài dao đa năng, Model: SA-250; seri 990716; hãng sản xuất: San Jui, Xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy mài dao thẳng tự động, Model: SA-63; seri 990714; hãng sản xuất: San Jui, Xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy ghép ngang thủy lực 4 dàn, Model: MR4-5200-1300; hãng sản xuất: IFAN, Xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy lăn keo, Model: AN-60, hãng sản xuất: IFAN, xuất xứ: Đài Loan; 02 Máy chà nhám thùng, Model: SD-3-600,SD-3-1300; seri 100414201; hãng sản xuất: Sheng shing, xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy cưa rong lưới dưới, Model: JR-18T; seri 99E08029; hãng sản xuất: Jo Way, xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy cắt tấm tự động, Model: TPS-10CS; seri 002486; hãng sản xuất: Tai Chan, xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy cắt phay 2 đầu, Model: DET-2600-H8; seri DET10060062; hãng sản xuất: Technik, Xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy ghép ngang cao tần, Model: KGW-1030H; seri 99-81; hãng sản xuất: Kouming, xuất xứ: Đài Loan; 01 Dây chuyên sơn PU chạy Palet 7 tấn, hãng sản xuất: Chang, xuất xứ: Đài Loan; Bàn lắp ráp, Xuất xứ: Việt Nam; 02 Xe nâng, Model: 30D7, seri 2317, 2318; hãng sản xuất: Hyundai, Xuất xứ: Hàn Quốc.

Sau khi phát mại các tài sản bảo đảm trên, nếu không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì Công ty cổ phần Cửu Long vẫn tiếp tục phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm ngày 02/2/2020 Công ty cổ phần Cửu Long có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm 03/2021/KDTM-ST ngày: 20/01/2021 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự xác nhận ngoài các tài liệu chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì không còn tài liệu chứng cứ nào khác để nộp cho Tòa án.

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích cho Nguyên đơn sau khi trình bày luận cứ có quan điểm: Theo quyết định thi hành bản án số 321/QĐ-CCTHADS ngày 21/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, thì Ngân hàng phát triển Việt Nam đã thanh toán trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam tổng số tiền 156.332.032.412 đồng theo hợp đồng bảo

lãnh số 50/2009/NHPT-SGDI-BLDA ngày 29/12/2009. Sau khi Ngân hàng phát triển Việt Nam thanh toán khoản tiền trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam thì giữa Ngân hàng phát triển Việt Nam và công ty cổ phần Cửu Long ký hợp đồng nhận nợ chi tiết số 01/2019/NHPT-NNCT và số 02/2019/NHPT-NNCT theo đó Công ty cổ phần Cửu Long xác nhận nợ gốc của Ngân hàng Phát triển Việt Nam số tiền 156.332.032.412 đồng, nhưng sau đó Công ty cổ phần Cửu Long không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả số tiền trên cho Ngân hàng phát triển Việt Nam như đã cam kết theo 02 Hợp đồng nhận nợ chi tiết số 01,02. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng phát triển Việt Nam; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần Cửu Long. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2021/KDTM- ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trình bày quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ thủ tục thụ lý vụ án, mở phiên tòa và tại phiên tòa xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích nội dung vụ án. Vị đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ có cơ sở xác nhận ngày 29/12/2009, Ngân hàng Phát triển Việt Nam –Sở Giao dịch I và Công ty cổ phần Cửu Long đã ký kết Hợp đồng bảo lãnh số 50/2009/NHPT.SGDI-BLDA ngày 29/12/2009, việc ký kết hợp đồng của các bên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, về hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần Cửu Long. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm; Về án phí các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Bị đơn làm trong thời hạn luật định. Người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, nên việc kháng cáo là hợp lệ. Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của Bị đơn Hội đồng xét xử xét thấy Ngày 29/12/2009, Ngân hàng Phát triển Việt Nam –Sở Giao dịch I và Công ty cổ phần Cừ Long đã ký kết Hợp đồng bảo lãnh số 50/2009/NHPT.SGDI-BLDA ngày 29/12/2009 trên cơ sở tự nguyện, mục đích là để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty Cừ Long theo khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 01-09/HĐTD/HM-CL ngày 20/10/2009 giữa Công ty Cừ Long và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Thực hiện thỏa thuận tại Hợp đồng bảo lãnh số 50/2009/NHPT.SGDI-BLDA ngày 29/12/2009, Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch I đã phát hành Chứng thư bảo lãnh số 03/NHPT.SGDI-CLBL ngày 21/01/2020 để bảo lãnh cho số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 01-09/HĐTD/HM-CL ngày 20/10/2009 giữa Công ty Cừ Long và Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai, số tiền bảo lãnh trong Hợp đồng tín dụng là: 93.800.000.000 đồng, thời hạn bảo lãnh: kể từ ngày bên bảo lãnh phát hành Chứng thư bảo lãnh cho đến ngày Chứng thư bảo lãnh hết hiệu lực. Do Công ty Cừ Long vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong Hợp đồng tín dụng số 01-09 HĐTD/HM-CL ngày 20/10/2009 nên Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam đã khởi kiện Công ty Cừ Long tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Ngân hàng Phát triển Việt Nam đã tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Ngày 08/5/2018 TAND quận Hai Bà Trưng đã xét xử vụ án trên theo Bản án số 05/2018/KDTM-ST và bản án đã bị kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm. Tại Bản án kinh doanh thương mại số 165/2018/KDTM-PT ngày 27/11/2018 của TAND Thành phố Hà Nội đã quyết định buộc Công ty Cừ Long phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng trên số tiền: Nợ gốc là 89.543.512.762 đồng; Nợ lãi trong hạn là 57.097.374.872 đồng; Nợ lãi quá hạn là 1.506.286.660 đồng; Tổng cộng là 148.147.174.294 đồng. Nếu Công ty Cừ Long vi phạm nghĩa vụ trả nợ của Hợp đồng tín dụng số 01-09/HĐTD/HM-CL ngày 20/10/2009, Ngân hàng Công thương Việt Nam có quyền yêu cầu Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Hợp đồng bảo lãnh vay vốn số 50/2009/NHPT.SGDI-BLDA ngày 29/12/2009 và Chứng thư bảo lãnh số 03/NHPT.SGDI-CLBL ngày 21/01/2020 với số tiền nợ gốc là 89.543.512.762 đồng; Nợ lãi trong hạn là 54.784.714.301 đồng; Tổng cộng là 144.328.227.063

đồng. Cơ quan Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng đã ra Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 321/QĐ-CCTHADS ngày 21/01/2019 đối với Công ty Cửu Long và Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Theo Thông báo số 77/TB-THADS ngày 07/11/2019 Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng đã thi hành án số tiền 156.332.032.412 đồng đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo Biên lai thu tiền số AC/2010/0001358 ngày 25/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng số tiền thi hành là 142.898.463.705 đồng và Biên lai thu tiền số AC/2010/0001358 ngày 07/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng số tiền thi hành 13.433.268.707 đồng.

Tại khoản 2 Điều 5 Hợp đồng bảo lãnh, các bên thỏa thuận: “Ngay khi Bên bảo lãnh trả nợ thay cho Bên được bảo lãnh, Bên được bảo lãnh phải ký Khế ước nhận nợ đối với số tiền Bên bảo lãnh trả nợ thay”.

Tại khoản 3 Điều 5 Hợp đồng bảo lãnh, các bên thỏa thuận: “Ngay khi Bên bảo lãnh trả nợ thay cho Bên được bảo lãnh, Bên được bảo lãnh có nghĩa vụ hoàn trả cho Bên bảo lãnh số tiền bao gồm: Toàn bộ số tiền Bên bảo lãnh đã trả nợ thay”.

Tại Điều 2 Hợp đồng nhận nợ nguyên tắc các bên thỏa thuận: Điều kiện, thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả nợ: Nếu Bên A thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (trả nợ thay) cho bên B theo Hợp đồng bảo lãnh và Chứng thư bảo lãnh thì ngay khi Bên A thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, Bên B có nghĩa vụ trả nợ cho Bên A.

Ngày 30/10/2019, Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch I do ông Nguyễn Mạnh Hùng – Phó Giám đốc là đại diện và Công ty cổ phần Cửu Long do ông Phạm Anh Tuấn - Giám đốc là đại diện đã ký kết các hợp đồng nhận nợ chi tiết số 01/2019/NHPT-NNCT và ngày 13/11/2019 ký Hợp đồng nhận nợ chi tiết số 02/2019/NHPT-NNCT với nội dung thống nhất số tiền mà Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch I đã trả nợ thay cho Công ty cổ phần Cửu Long theo Hợp đồng bảo lãnh số 50/2009/NHPT.SGDI-BLDA ngày 29/12/2009. Xét thấy, việc ký kết các Hợp đồng nhận nợ nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, về hình thức và nội dung phù hợp với quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Tại Điều 1 Hợp đồng nhận nợ chi tiết số 01/2019/NHPT-NNCT ngày 30/10/2019 hai bên đã thống nhất: Số tiền Bên B phải trả Bên A là: Nợ gốc: 142.898.463.705 đồng (Bằng số tiền Bên A đã trả nợ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai (bên nhận bảo lãnh) thay cho bên B là 142.898.463.705 đồng). Trong đó, nợ gốc là 89.543.512.762 đồng, nợ lãi là 53.354.950.943 đồng.

Tại Điều 1 Hợp đồng nhận nợ chi tiết số 02/2019/NHPT-NNCT ngày

13/11/2019 hai bên đã thống nhất: Số tiền Bên B phải trả Bên A là: Nợ gốc: 13.433.568.707 đồng (Bằng số tiền Bên A đã trả nợ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai (bên nhận bảo lãnh) thay cho bên B số nợ lãi là 13.433.568.707 đồng). Trong đó: Ngày 24/9/2019 trả 300.000 đồng; Ngày 07/11/2019 trả 13.433.268.707 đồng.

Hai số tiền nhận nợ trên chính là số tiền mà Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng đã thu của Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo hai Biên lai thu tiền số AC/2010/0001356 ngày 25/10/2019 và Biên lai thu tiền số AC/2010/0001358 ngày 07/11/2019.

Đại diện Công ty Cửu Long cho rằng Ngân hàng Phát triển Việt Nam chuyển toàn bộ số tiền 156.332.032.412 đồng thành nợ gốc và yêu cầu Công ty Cửu Long thanh toán cả gốc và lãi của số tiền 156.332.032.412 đồng là không phù hợp (tức là lãi chồng lãi), không đúng theo nội dung của Hợp đồng bảo lãnh đã ký giữa hai bên.

Xét, tại khoản 2 Điều 2 Hợp đồng nhận nợ nguyên tắc số 50/2009/NHPT.SGDI-HĐNT-NNBL ngày 29/12/2009 các bên thỏa thuận: Số tiền Bên B nhận nợ và phải trả Bên A: Tiền nợ gốc: Toàn bộ số tiền Bên A đã trả nợ thay cho Bên B (bao gồm nợ gốc và lãi phát sinh phải trả theo Hợp đồng tín dụng). Hợp đồng nhận nợ chi tiết số 01/2019/NHPT-NNCT ngày 30/10/2019 và Hợp đồng nhận nợ chi tiết số 02/2019/NHPT-NNCT ngày 13/11/2019 được ký kết trên cơ sở của Hợp đồng nhận nợ nguyên tắc số 50/2009/NHPT.SGDI-HĐNT-NNBL ngày 29/12/2009. Như vậy, giữa hai bên đã thỏa thuận về nguyên tắc nhận nợ và trả nợ thay là toàn bộ nợ gốc và nợ lãi mà Ngân hàng Phát triển Việt Nam đã trả nợ thay cho Công ty Cửu Long được xác định là số tiền nợ gốc mà Công ty Cửu Long phải trả cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Vì vậy, số tiền nợ gốc mà Ngân hàng Phát triển Việt Nam khởi kiện chính là số tiền nợ gốc và lãi của Công ty Cửu Long theo Hợp đồng tín dụng số 01-09/HĐTD/HM-CL ngày 20/10/2009 đối với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam mà Ngân hàng Phát triển Việt Nam đã trả nợ thay cho Công ty Cửu Long. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cửu Long.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Hợp đồng bảo lãnh, các bên thỏa thuận về quyền của bên bảo lãnh: Yêu cầu bên được bảo lãnh hoàn trả số tiền mà bên bảo lãnh đã trả nợ thay theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Hợp đồng bảo lãnh. Nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán trả cho Nguyên đơn số tiền nợ gốc của hợp đồng nhận nợ

chi tiết số 01 là: 142.898.463.705 đồng và số tiền nợ gốc của hợp đồng nhận nợ chi tiết số 02 là: 13.433.568.707 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

***Đối với số tiền nợ lãi của hai Hợp đồng nhận nợ chi tiết số 01 và 02:** Xét thấy việc tính lãi của Ngân hàng Phát triển Việt Nam phù hợp với sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng . Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty Cửu Long phải thanh toán trả cho Ngân hàng phát triển Việt Nam số tiền lãi của hai hợp đồng tạm tính đến hết ngày 19/01/2021 là: 31.934.862.837 đồng, cụ thể: Hợp đồng số 01 là 29.262.864.850 đồng; Hợp đồng số 02 là 2.671.997.987 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Kể từ ngày 20/01/2021 Công ty cổ phần Cửu Long còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng nhận nợ chi tiết đã ký kết giữa các bên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

*** Về yêu cầu khởi kiện đối với phí bảo lãnh:**

Xét thấy, tại điểm b khoản 2 Điều 6 Hợp đồng bảo lãnh 50/2009/NHPT.SGDI-BLDA ngày 29/12/2009 các bên thỏa thuận về nghĩa vụ của Bên bảo lãnh. Do các bên có tranh chấp, không thống nhất với nhau về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh nên Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam đã khởi kiện đối với Công ty Cửu Long và yêu cầu Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo thỏa thuận. Vụ kiện đã được TAND Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm, Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 165/2018/KDTM-PT ngày 27/11/2018 và đã được thi hành án theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, việc Ngân hàng Phát triển Việt Nam không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh không phải là điều kiện chấm dứt nghĩa vụ trả phí bảo lãnh của Công ty Cửu Long. Theo Điều 3 Hợp đồng bảo lãnh số 50/2009/NHPT.SGDI-BLDA ngày 29/12/2009 hai bên thỏa thuận phí bảo lãnh như sau:

“1. Mức phí bảo lãnh: Bên được bảo lãnh phải trả cho Bên bảo lãnh tiền phí bảo lãnh là 0,5%/năm (một năm bằng 360 ngày), được tính trên số tiền được bảo lãnh theo số ngày thực tế kể từ ngày phát hành Chứng thư bảo lãnh đến ngày Chứng thư bảo lãnh hết hiệu lực;

2. Thanh toán phí bảo lãnh: Trước khi Chứng thư bảo lãnh được phát hành Bên được bảo lãnh trả trước cho Bên bảo lãnh tiền phí bảo lãnh là 234.500.000 đồng. Tiền phí bảo lãnh còn lại được Bên bảo lãnh trả hàng năm vào trước ngày 31/01 của năm kế tiếp theo thông báo của Bên bảo lãnh. Tiền phí năm cuối cùng được Bên được bảo lãnh trả khi kết thúc nghĩa vụ bảo lãnh theo thông báo của Bên

bảo lãnh.

3. Trường hợp Bên được bảo lãnh không trả phí bảo lãnh đúng hạn, Bên được bảo lãnh phải trả cho Bên bảo lãnh tiền phạt chậm trả phí bảo lãnh.

Tiền phạt chậm trả phí bảo lãnh được tính là 0,02%/ngày nhân (x) số phí chậm trả nhân (x) với thời gian chậm trả”.

Như vậy, số tiền được bảo lãnh là số tiền nợ thực tế của Hợp đồng tín dụng số 01/09/HĐTD/HM-CL ngày 20/10/2009 của Công ty Cửu Long với Ngân hàng Công thương Việt Nam. Số tiền được bảo lãnh và số ngày thực tế được các bên xác nhận theo “Bảng tính lãi đối với các tài khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 01/09/HĐTD/HM-CL ký ngày 20/10/2009 đến hết ngày 22/10/2019” do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai lập để gửi Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng khi thi hành Bản án kinh doanh thương mại số 165/2018/KDTM-PT ngày 27/11/2018 của TAND Thành phố Hà Nội. “Bảng tính lãi đối với các tài khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 01/09/HĐTD/HM-CL ký ngày 20/10/2009 đến hết ngày 22/10/2019” là bản phô tô, tài liệu này Ngân hàng Phát triển Việt Nam thu thập từ Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng trong quá trình thi hành án, nhưng đã được đại diện theo pháp luật của Công ty Cửu Long thừa nhận.

Phí bảo lãnh được tính từ ngày 08/02/2010 là ngày Ngân hàng Công thương Việt Nam giải ngân khoản vay đầu tiên cho Công ty Cửu Long đến ngày hết hiệu lực của Chứng thư bảo lãnh ngày 23/10/2019 là ngày Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng yêu cầu Ngân hàng Phát triển Việt Nam trả nợ thay cho Công ty Cửu Long. Theo bảng tính phí bảo lãnh tháng 1/2020 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch I, thì tổng phí bảo lãnh phát sinh của Công ty Cửu Long là: 5.386.605.145 đồng, Công ty Cửu Long đã trả phí bảo lãnh là 2.642.433.990 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty Cửu Long phải thanh toán trả cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam số tiền còn lại là 2.744.171.155 đồng phí bảo lãnh và tiền phạt chậm trả phí bảo lãnh là 302.052.108 đồng. Tổng cộng là 3.046.223.263 đồng là phù hợp với Điều 364 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Tại khoản 3 Điều 3 Hợp đồng bảo lãnh quy định “Trường hợp bên được bảo lãnh không trả phí bảo lãnh đúng hạn, bên được bảo lãnh phải trả cho bên bảo lãnh tiền phạt chậm trả phí bảo lãnh. Tiền chậm trả phí bảo lãnh được tính là 0,02%/ngày x số phí chậm trả x thời gian chậm trả”. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty Cửu Long phải thanh toán trả cho Ngân hàng phát triển số tiền 302.052.108 đồng tiền phạt chậm trả phí bảo lãnh là phù hợp với quy định của pháp

luật.

*** Tài sản đảm bảo:**

+ Là toàn bộ tài sản đã hình thành gắn liền với thửa đất số 1189, tờ bản đồ số 05, diện tích 40.000m², xã Tân Hưng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương đã được UBND tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 459109, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CT00094 ngày 14/6/2013 được đứng tên Công ty cổ phần Cửu Long gồm: Sân nền, đường giao thông, sân bãi, cổng, tường rào, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh công nhân, trạm bơm, bể nước, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy, nhà trạm bơm, nhà xưởng sản xuất gia công chế biến gỗ, nhà xưởng sơn và kho thành phẩm, trạm biến áp, hệ thống cấp điện chiếu sáng, nhà ăn ca, nhà điều hành, nhà nén khí, nhà hút bụi;

+ Hệ thống máy móc thiết bị gồm: 06 Máy CNC đa năng – Italy – pade, Model: SPINSL; Seri: 12291, 12292, 12293, 12294, 12295, 12296, hãng sản xuất: PADE; Xuất xứ: Italy; Hệ thống hút bụi nén khí, 01 hệ thống ống các loại hút bụi gỗ, xuất xứ: Việt Nam; 02 Máy nén khí, Model: SG1070A-55H; seri: C4KB3186, C4KB3187 Hãng sản xuất: Kobelco compressors, Nhật Bản; Hệ thống hút bụi trung tâm, 01 máy, Hãng sản xuất: Blue vent, Xuất xứ: Đan Mạch, 02 Máy sấy khí, máy lọc trước, lọc sau, Model: CRX110D, seri: C909002, C911002; Hãng sản xuất: ORION, Xuất xứ: Hồng Kong; 01 Máy lạnh ngang, Model: HP-400-3B, Seri: B10-010; Hãng sản xuất: Blue Steel, Xuất xứ: Đài Loan; Dây chuyền finger tự động, Model AT 620 đồng bộ dùng để ghép các thanh gỗ gắn vào thành các thanh gỗ dài, hãng sản xuất: Funimate, Xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy chà nhám có trục phay, Model: MST-1300MS; seri: MS1045; Hãng sản xuất: Ming Ping, xuất xứ: Đài Loan; 05 Máy cưa cắt ngang, Model: YFC-18; seri: 120620, 100513, 100515, 100516, 100517; Hãng sản xuất: Yuh Farn, xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy bào 04 mặt, 04 trục tải nặng, Model: LMC-423C; seri: 1004017; Hãng sản xuất: Leadermac, Xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy bào 04 mặt, 06 trục tải nặng model LMC 623C, Model: LMC- 623C, seri: 1004018; hãng sản xuất: Leadermac, xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy bào hai mặt có hiển thị số, Model: GT- 610AD; Hãng sản xuất: Goodtek, Xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy tạo mộng lá sách, Model: LH-110, hãng sản xuất: Lih Woei, xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy bào 04 mặt, 06 trục tải nặng model LMC 623H Hypermac, Model: LMC-623H; seri: 1004020; Hãng sản xuất: Leadermac, Xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy mài lưỡi cưa hợp kim tự động, Model: F-25-300 “D/MG”; seri: 9719; Hãng sản xuất: Grifo, Xuất xứ: Italy; 02 Máy cưa

rong nhiều lưỡi, Model: GRS-320; seri: 0782, 0783; Hãng sản xuất: Carpenter, Xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy chà nhám chổi, Model: SL-1400-R4; seri: 2765; Hãng sản xuất: Salida, Xuất xứ: Đài Loan, Máy cắt ốc, 01 máy, Model: CP-801; Hãng sản xuất: Foseco, Xuất xứ: Đài Loan, Máy chuốt chốt, 01 máy, Model: CF-18; seri: 30509; Hãng sản xuất: Ching Feng, xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy cắt chốt, Model: CF-36; seri 30510; hãng sản xuất: Ching Feng, xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy mài dao đa năng, Model: SA-250; seri 990716; hãng sản xuất: San Jui, Xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy mài dao thẳng tự động, Model: SA-63; seri 990714; hãng sản xuất: San Jui, Xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy ghép ngang thủy lực 4 dàn, Model: MR4-5200-1300; hãng sản xuất: IFAN, Xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy lặn keo, Model: AN-60, hãng sản xuất: IFAN, xuất xứ: Đài Loan; 02 Máy chà nhám thùng, Model: SD-3-600,SD-3-1300; seri 100414201; hãng sản xuất: Sheng shing, xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy cưa rong lưỡi dưới, Model: JR-18T; seri 99E08029; hãng sản xuất: Jo Way, xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy cắt tấm tự động, Model: TPS-10CS; seri 002486; hãng sản xuất: Tai Chan, xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy cắt phay 2 đầu, Model: DET-2600-H8; seri DET10060062; hãng sản xuất: Technik, Xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy ghép ngang cao tần, Model: KGW-1030H; seri 99-81; hãng sản xuất: Kouming, xuất xứ: Đài Loan; 01 Dây chuyên sơn PU chạy Palet 7 tấn, hãng sản xuất: Chang, xuất xứ: Đài Loan; Bàn lắp ráp, Xuất xứ: Việt Nam; 02 Xe nâng, Model: 30D7, seri 2317, 2318; hãng sản xuất: Hyundai, Xuất xứ: Hàn Quốc. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản (bằng tài sản hình thành trong tương lai) số 35/2009/BĐBL-NHPT.SGDI ngày 29/12/2009; Phụ lục số 01A kèm Hợp đồng thế chấp tài sản (bằng tài sản hình thành trong tương lai) số 35/2009/BĐBL-NHPT.SGDI ngày 29/12/2009 (Phần xây lắp) ngày 18/12/2012; Phụ lục số 01B kèm Hợp đồng thế chấp tài sản (bằng tài sản hình thành trong tương lai) số 35/2009/BĐBL-NHPT.SGDI ngày 29/12/2009 (Phần thiết bị) ngày 18/12/2012; Phụ lục số 02B kèm Hợp đồng thế chấp tài sản (bằng tài sản hình thành trong tương lai) số 35/2009/BĐBL-NHPT.SGDI ngày 29/12/2009 (Phần xây lắp) ngày 10/7/2013; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số công chứng 561, quyển số 21, lập ngày 29/12/2009 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Hải Dương số 02/2013/HĐBĐ.SĐ-NHPT.SGDI ngày 29/8/2013; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 10/35/2009/2015/BĐBL-SĐBS-NHPT.SGDI ngày 18/11/2015; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/HĐSĐBS/HĐTCTS-NHPT.SGDI ngày 23/01/2018; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 06/2020/HĐSĐBS-NHPT ngày 03/7/2020; Hợp đồng thế

chấp và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp được chứng nhận bởi Phòng công chứng số 1 tỉnh Hải Dương, Đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương ngày 30/12/2009, ngày 29/8/2013; Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 10/7/2020 của Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hà Nội.

Xét thấy, các Hợp đồng thế chấp và phụ lục Hợp đồng thế chấp trên được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, về hình thức, nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nên phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Trường hợp Công ty cổ phần Cửu Long không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản tiền trên cho Ngân Hàng phát triển Việt Nam thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ vay bắt buộc và phí bảo lãnh trên.

Sau khi xử lý các tài sản thế chấp trên nếu không đủ để thanh toán khoản nợ và phí bảo lãnh thì Công ty Cửu Long vẫn tiếp tục phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ và phí bảo lãnh cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Từ những phân tích trên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần Cửu Long.

Tuy nhiên bản án cấp sơ thẩm tuyên “Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, Công ty Cửu Long còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ phí bảo lãnh và phí phạt chậm trả phí bảo lãnh chưa thanh toán theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam” là không đúng. Do vậy, cần phải sửa án về phần này.

Đề nghị của luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nên được chấp nhận.

Đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ nên được chấp nhận.

Về án phí: Công ty Cửu Long phải chịu án phí kinh doanh phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, 220 và khoản 2 Điều 308; Điều 314 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 121, 283, 290, 305, 318, 323, 342, 343, 361, 362, 363, 364, 405, 408 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ các Điều 274, 275, 280, 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ quy định về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ quy định về giao dịch bảo đảm;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2020/KDTM-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Phát triển Việt Nam đối với Công ty cổ phần Cửu Long.

2. Buộc Công ty cổ phần Cửu Long phải trả cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam số tiền nợ tạm tính đến ngày 19/01/2021 theo Hai hợp đồng nhận nợ chi tiết, cụ thể:

+ Hợp đồng nhận nợ chi tiết số 01/2019/NHPT-NNCT ngày 30/10/2019:

Nợ gốc là: 142.898.463.705 (Một trăm bốn mươi hai tỷ, tám trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi ba nghìn, bảy trăm linh năm) đồng.

Nợ lãi tạm tính đến hết ngày 19/01/2021 là: 29.262.864.850 đồng (Hai mươi chín tỷ, hai trăm sáu mươi hai triệu, tám trăm sáu mươi bốn nghìn, tám trăm năm mươi đồng).

Tổng cộng: 172.161.328.555 (Một trăm bảy mươi hai tỷ, một trăm sáu mươi một triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm năm mươi lăm) đồng.

+ Hợp đồng nhận nợ chi tiết số 02/2019/NHPT-NNCT ngày 13/11/2019:

Nợ gốc là: 13.433.568.707 đồng (Mười ba tỷ, bốn trăm ba mươi ba triệu, năm trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm linh bảy đồng);

Nợ lãi tạm tính đến hết ngày 19/01/2021 là: 2.671.997.987 đồng (Hai tỷ, sáu trăm bảy mươi một triệu, chín trăm chín mươi bảy nghìn, chín trăm tám bảy đồng).

Tổng cộng: 16.105.566.694 đồng (Mười sáu tỷ, một trăm linh năm triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm chín mươi tư đồng).

Kể từ ngày 20/01/2021, Công ty cổ phần Cửu Long còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa

thuận trong các Hợp đồng nhận nợ chi tiết đã ký kết giữa các bên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

3. Buộc Công ty cổ phần Cửu Long phải trả cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam số tiền phí bảo lãnh theo Hợp đồng bảo lãnh số 50/2009/NHPT.SGDI-BLDA ngày 29/12/2009 giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch I và Công ty cổ phần Cửu Long tính từ ngày 08/02/2010 đến ngày 23/10/2019 là 2.744.171.155 đồng (Hai tỷ, bảy trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm bảy một nghìn, một trăm năm trăm đồng) và tiền phạt chậm trả phí bảo lãnh là 302.052.108 đồng (Ba trăm linh hai triệu, không trăm năm mươi hai nghìn, một trăm linh tám đồng). Tổng cộng 3.046.223.263 đồng (Ba tỷ, không trăm bốn mươi sáu triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn, hai trăm sáu ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành án đối với số tiền phải thanh toán, thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong bản án.

Tổng cộng toàn bộ số tiền nhận nợ và phí bảo lãnh (bao gồm cả nợ gốc và lãi) Công ty cổ phần Cửu Long có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam tạm tính đến ngày 19/01/2021 là: 191.313.118.512 (Một trăm chín mươi một tỷ, ba trăm mười ba triệu, một trăm mười tám nghìn, năm trăm mười hai đồng).

Trường hợp Công ty cổ phần Cửu Long không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam, thì Ngân hàng Phát triển Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi số tiền trên là:

+ Tài sản đã hình thành gắn liền với thửa đất số 1189, tờ bản đồ số 05, diện tích 40.000m², xã Tân Hưng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương đã được UBND tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 459109, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CT00094 ngày 14/6/2013 được đứng tên Công ty cổ phần Cửu Long gồm: Sân nền, đường giao thông, sân bãi, cổng, tường rào, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh công nhân, trạm bơm, bể nước, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy, nhà trạm bơm, nhà xưởng sản xuất gia công chế biến gỗ, nhà xưởng sơn và kho thành phẩm, trạm biến áp, hệ thống cấp điện chiếu sáng, nhà ăn ca, nhà điều hành, nhà nén khí, nhà hút bụi;

+ Hệ thống máy móc thiết bị gồm: 06 Máy CNC đa năng – Italy – pade, Model: SPINSL; Seri: 12291, 12292, 12293, 12294, 12295, 12296, hãng sản xuất: PADE; Xuất xứ: Italy; Hệ thống hút bụi nén khí, 01 hệ thống ống các loại hút bụi gỗ, xuất xứ: Việt Nam; 02 Máy nén khí, Model: SG1070A-55H; seri: C4KB3186, C4KB3187 Hãng sản xuất: Kobelco compressors, Nhật Bản; Hệ thống hút bụi trung tâm, 01 máy, Hãng sản xuất: Blue vent, Xuất xứ: Đan Mạch, 02 Máy sấy khí, máy lọc trước, lọc sau, Model: CRX110D, seri: C909002, C911002; Hãng sản xuất: ORION, Xuất xứ: Hồng Kong; 01 Máy lạnh ngang, Model: HP-400-3B, Seri: B10-010; Hãng sản xuất: Blue Steel, Xuất xứ: Đài Loan; 01 Dây chuyền finger tự động, Model AT 620 đồng bộ dùng để ghép các thanh gỗ gắn vào thành các thanh gỗ dài, hãng sản xuất: Funimate, Xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy chà nhám có trục phay, Model: MST-1300MS; seri: MS1045; Hãng sản xuất: Ming Ping, xuất xứ: Đài Loan; 05 Máy cưa cắt ngang, Model: YFC-18; seri: 120620, 100513, 100515, 100516, 100517; Hãng sản xuất: Yuh Farn, xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy bào 04 mặt, 04 trục tải nặng, Model: LMC-423C; seri: 1004017; Hãng sản xuất: Leadermac, Xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy bào 04 mặt, 06 trục tải nặng model LMC 623C, Model: LMC- 623C, seri: 1004018; hãng sản xuất: Leadermac, xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy bào hai mặt có hiển thị số, Model: GT- 610AD; Hãng sản xuất: Goodtek, Xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy tạo mộng lá sách, Model: LH-110, hãng sản xuất: Lih Woei, xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy bào 04 mặt, 06 trục tải nặng model LMC 623H Hypermac, Model: LMC-623H; seri: 1004020; Hãng sản xuất: Leadermac, Xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy mài lưỡi cưa hợp kim tự động, Model: F-25-300 “D/MG”; seri: 9719; Hãng sản xuất: Grifo, Xuất xứ: Italy; 02 Máy cưa rong nhiều lưỡi, Model: GRS-320; seri: 0782, 0783; Hãng sản xuất: Carpenter, Xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy chà nhám chổi, Model: SL-1400-R4; seri: 2765; Hãng sản xuất: Salida, Xuất xứ: Đài Loan, Máy cấy ốc, 01 máy, Model: CP-801; Hãng sản xuất: Foseco, Xuất xứ: Đài Loan, Máy chuốt chốt, 01 máy, Model: CF-18; seri: 30509; Hãng sản xuất: Ching Feng, xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy cắt chốt, Model: CF-36; seri 30510; hãng sản xuất: Ching Feng, xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy mài dao đa năng, Model: SA-250; seri 990716; hãng sản xuất: San Jui, Xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy mài dao thẳng tự động, Model: SA-63; seri 990714; hãng sản xuất: San Jui, Xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy ghép ngang thủy lực 4 dàn, Model: MR4-5200-1300; hãng sản xuất: IFAN, Xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy lăn keo, Model: AN-60, hãng sản xuất: IFAN, xuất xứ: Đài Loan; 02 Máy chà nhám thùng, Model: SD-3-600, SD-3-1300; seri 100414201; hãng sản xuất: Sheng shing, xuất xứ: Đài Loan;

01 Máy cưa rong lưới dưới, Model: JR-18T; seri 99E08029; hãng sản xuất: Jo Way, xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy cắt tấm tự động, Model: TPS-10CS; seri 002486; hãng sản xuất: Tai Chan, xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy cắt phay 2 đầu, Model: DET-2600-H8; seri DET10060062; hãng sản xuất: Technik, Xuất xứ: Đài Loan; 01 Máy ghép ngang cao tần, Model: KGW-1030H; seri 99-81; hãng sản xuất: Kouming, xuất xứ: Đài Loan; 01 Dây chuyền sơn PU chạy Palet 7 tấn, hãng sản xuất: Chang, xuất xứ: Đài Loan; Bàn lắp ráp, Xuất xứ: Việt Nam; 02 Xe nâng, Model: 30D7, seri 2317, 2318; hãng sản xuất: Hyundai, Xuất xứ: Hàn Quốc.

Theo Hợp đồng thế chấp tài sản (bằng tài sản hình thành trong tương lai) số 35/2009/BĐBL-NHPT.SGDI ngày 29/12/2009; Phụ lục số 01A kèm Hợp đồng thế chấp tài sản (bằng tài sản hình thành trong tương lai) số 35/2009/BĐBL-NHPT.SGDI ngày 29/12/2009 (Phần xây lắp) ngày 18/12/2012; Phụ lục số 01B kèm Hợp đồng thế chấp tài sản (bằng tài sản hình thành trong tương lai) số 35/2009/BĐBL-NHPT.SGDI ngày 29/12/2009 (Phần thiết bị) ngày 18/12/2012; Phụ lục số 02B kèm Hợp đồng thế chấp tài sản (bằng tài sản hình thành trong tương lai) số 35/2009/BĐBL-NHPT.SGDI ngày 29/12/2009 (Phần xây lắp) ngày 10/7/2013; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số công chứng 561, quyển số 21, lập ngày 29/12/2009 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Hải Dương số 02/2013/HĐBĐ.SĐ-NHPT.SGDI ngày 29/8/2013; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 10/35/2009/2015/BĐBL-SĐBS-NHPT.SGDI ngày 18/11/2015, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/HĐSĐBS/HĐTCTS-NHPT.SGDI ngày 23/1/2018; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 06/2020/HĐSĐBS-NHPT ngày 03/7/2020, giữa bên thế chấp – Công ty cổ phần Cửu Long, bên nhận thế chấp – Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch I, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương ngày 30/12/2009, ngày 29/8/2013; Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 10/7/2020 của Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hà Nội.

Sau khi phát mại các tài sản bảo đảm trên, nếu không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì Công ty cổ phần Cửu Long vẫn tiếp tục phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí :

+ Án phí sơ thẩm: Công ty cổ phần Cửu Long phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 299.313.118 đồng (Hai trăm chín mươi chín triệu, ba trăm mười ba nghìn, một trăm mười tám đồng).

Hoàn trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam số tiền 136.759.166 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi chín nghìn, một trăm sáu sáu đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số AA/2017/0003538 ngày 19/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

+ Án phí phúc thẩm: Công ty cổ phần Cửu Long phải chịu 2.000.000 đồng được trừ vào 2.000.000 đồng Công ty đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004016 ngày 04/2/2021 của Chi cục Thi hành án quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Lê Thúy Linh. Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Ngô Tuyết Băng

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội
- Chi cục THADS Q. Hai Bà Trưng
- TAND Q. Hai Bà Trưng
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ Tọa phiên tòa

Ngô Tuyết Băng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Lê Thúy Linh. Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Ngô Tuyết Băng

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội
- Chi cục THADS Q. Hai Bà Trưng
- TAND Q. Hai Bà Trưng
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ Tọa phiên tòa

Ngô Tuyết Băng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Lê Thúy Linh. Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Ngô Tuyết Băng

